

Đánh giá tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến tăng trưởng đầu ra của các doanh nghiệp nội địa ở Phú Yên

Nguyễn Khắc Minh
Trần Văn Trí

Ngày nhận: 10/04/2017

Ngày nhận bản sửa: 28/07/2017

Ngày duyệt đăng: 24/08/2017

Nghiên cứu này nhằm đánh giá tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đến tăng trưởng của các doanh nghiệp tỉnh Phú Yên. Chúng tôi sử dụng mô hình bán tham số của Olley-Pakes sau được Levinsohn-Petrin (2003) cải biên, trong đó có phối hợp các nhân tố tác động đến FDI để đánh giá tác động của FDI đến tăng trưởng của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Yên. Trên cơ sở phân tích tác động lan tỏa của FDI theo chiều ngang, chiều dọc, lan tỏa ngược và ngược cung, kết quả cho thấy tác động của FDI vào các doanh nghiệp nội địa của Phú Yên không nhiều. Lý do chính có thể do ảnh hưởng cạnh tranh gay gắt làm triệt tiêu ảnh hưởng có lợi từ FDI. Từ khóa: tác động FDI, phân tích tác động lan tỏa FDI, tăng trưởng doanh nghiệp Phú Yên.

1. Giới thiệu

Nhiều nền kinh tế đang phát triển và không ít địa phương ở các quốc gia này đang cố gắng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong kế hoạch phát triển của mình với kỳ vọng luồng FDI chảy vào sẽ mang lại công nghệ mới, bí quyết mới và đóng góp vào việc

tăng năng suất và cạnh tranh của các ngành bản địa. Với Phú Yên, mặc dù đã nỗ lực rất lớn trong việc thu hút đầu tư nước ngoài với kỳ vọng thông qua các dự án FDI sẽ thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội của Tỉnh, dù bước đầu đã có những thành công nhất định nhưng vẫn chưa đạt được các mục tiêu như mong muốn. Tính đến 31/12/2015, Phú Yên có 42 dự án FDI còn hiệu lực với

số vốn đăng ký hơn 4,7 tỷ USD. Các dự án này hoạt động chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực công nghiệp chế biến, gia công, khai thác khoáng sản. Qua số liệu thống kê 15 năm từ Sở Kế hoạch Đầu tư của Tỉnh (giai đoạn năm 2000- 2015) cho thấy, đóng góp của các dự án FDI đối với phát triển kinh tế- xã hội ở Phú Yên có chiều hướng gia tăng, năm sau cao hơn năm trước. Tuy

nhiên so với quy mô toàn Tỉnh trong các lĩnh vực: thu ngân sách, tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm... thì mức đóng góp của các dự án FDI là không cao. Năm 2015 là năm mà các dự án có vốn đầu tư nước ngoài được đánh giá có đóng góp khá cao cho kinh tế xã hội của Tỉnh so với các năm, thì mức đóng góp cũng còn khiêm tốn so với quy mô toàn Tỉnh: thu nhập 1.200 tỷ đồng (3,97%), xuất khẩu 8,983 triệu USD (9,31%), thu ngân sách khu vực FDI 188,6 tỷ đồng (6,63%), giải quyết 3.353 lao động (0,63%).

Một kỳ vọng khác đối với việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài ở Phú Yên là với sức lan tỏa của các dự án FDI sẽ thúc đẩy năng lực sản xuất của các doanh nghiệp nội địa, qua đó thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội của Tỉnh. Đánh giá điều này có đạt được hay không và ở mức độ nào là mục tiêu hướng tới của bài viết này.

2. Tổng quan nghiên cứu

Có rất nhiều nghiên cứu thực nghiệm về tác động của FDI ở các nước, đặc biệt là các nước đang phát triển, phát triển như các nghiên cứu của Chen (2009), Sun (1998), Shan J. (2002, 2006), Wang và Swain (1995, 1997), Young và Lan (1997)... Một số nghiên cứu lan tỏa ngang, phần lớn tổng quan xem xét những lan tỏa năng suất nội ngành từ FDI đến các doanh nghiệp nội địa. Như Haskel cùng các cộng sự (2007), đã

công bố các tác động tích cực và có ý nghĩa. Trong khi đó, Aitken và Harrison (1999), Waldkirch và Ofosu (2010), và Tran (2011) tìm thấy những ảnh hưởng tiêu cực. Một vài nghiên cứu tìm thấy bằng chứng yếu hoặc không có bằng chứng nào về các ảnh hưởng của FDI đến các doanh nghiệp nội địa, như Javorcik (2004), Frances and Ali (2005), Nguyen và Nguyen (2009) và Hale và Long (2011). Thêm vào đó, có một số nghiên cứu báo cáo kết quả hỗn hợp do những sự khác biệt trong: (i) việc đo lường của tác động của FDI (Merlevede và Schoors, 2007; Nguyen và các cộng sự, 2008b); (ii) việc lựa chọn các trường hợp nghiên cứu (Caves, 1974; Konings, 2001); (iii) các đặc điểm doanh nghiệp và ngành công nghiệp (Girma và cộng sự, 2011; Li và cộng sự, 2011; Girma, 2005); (iv) giai đoạn nghiên cứu (Le, 2005); hoặc (v) các vùng (Girma, 2005; Higon và Vasilakos, 2011). Trong trường hợp của Việt Nam, mặc dù có sự mở rộng nhanh chóng của dòng chảy FDI vào nền kinh tế trong hai thập kỷ trở lại đây, các nghiên cứu thực nghiệm về tác động của FDI đã có khá nhiều các nghiên cứu. Các nghiên cứu trước sử dụng dữ liệu cấp độ vĩ mô hoặc cấp độ ngành, như Le (2005). Trong khi đó, các nghiên cứu sau này tận dụng lợi thế của dữ liệu bảng cấp độ doanh nghiệp xây dựng từ các điều tra doanh

nh nghiệp. Một loạt các nghiên cứu về Việt Nam như Đinh (2008), Đoàn (2004, 2015), Đỗ (2016), Lê (2006), Lê (2016), Nguyễn và cộng sự (2010), Nguyễn (2009), Ngô (2016), Nguyễn và cộng sự (2009), Nguyễn (2015), Nguyễn và cộng sự (2016)... Bằng chứng về tác động lan tỏa của FDI ở Việt Nam được trộn lẫn. Le (2005) xem xét tác động lan tỏa công nghệ từ FDI đến nền công nghiệp trong nước về năng suất lao động. Sử dụng dữ liệu cấp độ ngành công nghiệp giai đoạn từ 1995 đến 2002, kết quả chỉ ra bằng chứng lan tỏa dương từ FDI lên năng suất lao động của các ngành công nghiệp trong nước trong giai đoạn 1995- 1999, nhưng tác động lan tỏa yếu trong giai đoạn sau từ 2000 đến 2002. Nguyen cùng các tác giả (2008a) trong một nghiên cứu trước đây sử dụng dữ liệu bảng cấp độ doanh nghiệp để xem xét tác động của FDI đến hiệu suất đầu ra của các doanh nghiệp nội địa của khu vực sản xuất và dịch vụ Việt Nam trong giai đoạn 2000- 2005. Tác động ngang được đo lường thông qua cả tỷ trọng đầu ra và lao động của các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài. Các kết quả từ hàm sản xuất Cobb-Douglas một cách trực tiếp đã chỉ ra rằng, tác động FDI thông qua các mối liên kết xuôi là đáng kể và âm đối với hiệu suất đầu ra của các doanh nghiệp nội địa. Kết quả chỉ ra rằng FDI tác động tích cực đến đầu ra của doanh

ngành nội địa thông qua mối liên kết ngược. Về liên kết ngang, trong khi hệ số ước lượng của liên kết ngang được đo lường bởi đầu ra là âm và có ý nghĩa thống kê, mối liên kết ngang đo lường bởi lao động là dương và có ý nghĩa thống kê.

Nguyen và các cộng sự (2008b) là một trong số ít nghiên cứu về tổng quan xem xét các tác động lan tỏa của FDI lên hiệu quả kỹ thuật của các công ty nội địa ở Việt Nam bằng việc sử dụng SFA 2 bước và dữ liệu bảng cấp độ doanh nghiệp. Các tác giả tìm ra rằng sự hiện diện của FDI về đầu ra dựa trên đo lường ngang làm giảm sự thiếu hiệu quả sản xuất của các công ty nội địa trong nội ngành do cạnh tranh, không phải các tác động dịch chuyển lao động. Tran (2011) xem xét các lan tỏa năng suất từ tác động FDI đến các doanh nghiệp nội địa ở Việt Nam giai đoạn 2001- 2005. Dữ liệu cấp độ doanh nghiệp trong ba khu vực kinh tế chính là khu vực nông nghiệp, chế tạo và dịch vụ và cách tiếp cận biên ngẫu nhiên được sử dụng để đo lường năng suất nhân tố tổng hợp và ba thành phần của nó trong doanh nghiệp (thay đổi kỹ thuật, thay đổi hiệu quả kỹ thuật, và thay đổi hiệu quả quy mô). Tác giả tìm ra rằng FDI tác động tiêu cực đến doanh nghiệp nội địa nội ngành.

Tóm lại, bằng chứng về các lan tỏa năng suất từ các công ty đa quốc gia đến các doanh nghiệp nội địa là hỗn hợp.

Sự hiện hữu, dấu hiệu và độ lớn của các lan tỏa năng suất phụ thuộc vào một số yếu tố quyết định liên quan đến các đặc điểm của FDI, của doanh nghiệp nội địa, các điều kiện của khu vực và nước bản địa. Kết quả hỗn hợp trong tổng quan một phần là do phương pháp nghiên cứu khác biệt và dữ liệu được áp dụng. Mức độ của lan tỏa năng suất không cần thiết là cân đối đối với sự hiện diện nước ngoài. Các tác động của FDI cũng bị ảnh hưởng bởi các yếu tố quyết định của lợi ích lan tỏa, như là khoảng cách công nghệ và mức độ cạnh tranh giữa doanh nghiệp nước ngoài và trong nước cũng như khả năng công nghệ của các doanh nghiệp trong nước. Nếu công nghệ của các doanh nghiệp nội địa không bị tụt hậu quá xa so với các đối tác nước ngoài của họ, họ có thể thu được lợi ích từ FDI thông qua chuyển giao tri thức và công nghệ, nhưng ngược lại, các công ty nội địa có thể thêm tụt hậu phía sau và bị thay thế dưới áp lực cạnh tranh từ các doanh nghiệp đa quốc gia.

Mục đích của nghiên cứu này nằm ở hai điểm. Thứ nhất, chúng tôi xem xét liệu năng suất của các doanh nghiệp nội địa có tương quan với sự hiện diện của các doanh nghiệp đa quốc gia trong các ngành không. Kiểm tra tác động này phù hợp với sự hiện diện của các ảnh hưởng lan tỏa thông qua những mối liên kết

ngang, dọc, ngược và ngược cung. Chúng tôi sử dụng phương pháp ước lượng bán tham số do Olley và Pakes (1996) sau khi được Levinsohn Petrin (2003) cải biên để tính tới vấn đề nội sinh của cầu đầu vào. Thứ hai, chúng tôi sẽ làm sáng tỏ một số nhân tố quyết định tới ảnh hưởng lan tỏa. Chúng tôi xem xét liệu lợi ích tiềm năng bắt nguồn từ mối liên kết dọc có tương quan với định hướng xuất khẩu của các doanh nghiệp đa quốc gia trong các ngành giai đoạn cuối của chuỗi sản xuất và mức độ sở hữu nước ngoài trong các doanh nghiệp liên doanh. Dựa trên nghiên cứu thực nghiệm, các nhân tố này được phỏng đoán là có ảnh hưởng tới mức độ và lợi ích của các mối liên kết ngược.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp bán tham số ước lượng hàm sản xuất

Để thực hiện được mục đích của nghiên cứu là đánh giá tác động của FDI năng suất của các doanh nghiệp nội địa, chúng tôi sử dụng phương pháp bán tham số Levinsohn- Petrin (2003) để ước lượng hàm sản xuất nhằm tránh chệch sau phối hợp các kênh lan tỏa của FDI vào mô hình hàm sản xuất. Trong việc trình bày mô hình đánh giá tác động của FDI đến đầu ra của các doanh nghiệp chúng tôi tách thành hai mô hình đánh giá tác động, trong đó một mô

hình cho toàn mẫu, còn một mô hình chỉ gồm các doanh nghiệp nội địa.

Phương pháp đo lường TFP của Levinsohn- Petrin (2003) với các ước lượng vững của hàm sản xuất kết hợp với các kỹ thuật tham số và phi tham số, trong đó đầu tư hiệu chỉnh sự chệch do tính đồng thời gây ra bởi tương quan giữa lựa chọn đầu vào của các nhà máy và năng suất của các doanh nghiệp. Một trong những điều kiện của phương pháp luận của Olley và Pakes- đầu tư là hàm đơn điệu của năng suất có điều kiện trên tư bản- chỉ được kiểm chứng đối với các nhà máy có đầu tư dương (Pakes, 1994).

Ở Việt Nam, các nhà máy nhỏ hoạt động đầu tư không thường xuyên nên được loại bỏ một cách hệ thống bởi mẫu ước lượng. Sử dụng đầu tư để hiệu chỉnh đồng thời thực sự mang lại các ước lượng hàm sản xuất chệch và tính khả biến hàng năm có thể không thực trong năng suất nhà máy ước lượng được.

Xét hàm sản xuất Cobb-Douglass cực đại hóa lợi nhuận kì vọng dưới điều kiện không chắc chắn, trong khoảng thời gian các quyết định của nhà máy i trong ngành j trong năm t như sau:

$$y_{it}^j = \beta_k k_{it}^j + \beta_l l_{it}^j + \omega_{it}^j + \varepsilon_{it}^j \quad (1)$$

Trong đó: Doanh nghiệp quan sát năng suất hiện hành ω_{it}^j và sau đó chọn các đầu vào biến đổi: log của lao động l_{it}^j , log của tư bản k_{it}^j để sản xuất đầu ra y_{it}^j

Điều này dẫn đến một vấn đề do tính đồng thời, vì ω_{it}^j tương quan với lựa chọn tư bản và lao động. Levinsohn và Petrin giả thiết rằng $m_{it}^j = m_{it}^j(k_{it}^j, \omega_{it}^j)$ (2) ở đây m_{it}^j là đầu vào trung gian, và chỉ ra rằng quan hệ này là đơn điệu tăng theo ω_{it}^j . Do vậy, hàm đầu vào trung gian có thể đảo lại để thu được $\omega_{it}^j = \omega_{it}^j(k_{it}^j, m_{it}^j)$ (3)

Khi đó, ta có:

$$y_{it}^j = \beta_k k_{it}^j + \varphi(k_{it}^j, m_{it}^j) + \varepsilon_{it}^j \quad (4)$$

Ở đây,

$$\varphi(k_{it}^j, m_{it}^j) = \beta_k k_{it}^j + \omega_{it}^j(k_{it}^j, m_{it}^j)$$

Ước lượng Levinsohn và Petrin đòi hỏi 2 bước. Trong bước thứ nhất, phương trình được ước lượng khi xử lý $\varphi(k_{it}^j, m_{it}^j)$ bằng cách phi tham số, cho ta các ước lượng đối với các đầu vào lao động. Bước thứ hai xác định β_k . Giả thiết rằng ω_{it}^j theo quá trình Markov cấp một: $\omega_{it}^j = E[\omega_{it}^j | \omega_{it-1}^j] + \xi_{it}^j$ và k_{it}^j được quyết định tại $t-1$, thì $E[\omega_{it}^j | k_{it}^j] = 0$ (5) mà điều này kéo theo rằng k_{it}^j, ξ_{it}^j không tương quan. Điều kiện moment này sau đó được sử dụng để ước lượng độ co giãn của tư bản β_k . Phương pháp Levinsohn và Petrin cho phép lấy đầu vào trung gian làm biến điều khiển, phát triển từ kỹ thuật Olley- Pakes lấy biến đầu tư làm biến điều khiển.

3.2. Xây dựng các kênh lan tỏa của FDI

$Horizontal_{jt}$ cho biết mức độ tham gia của nước ngoài trong ngành đó và được tính bằng tỷ trọng vốn

nước ngoài bình quân của tất cả các doanh nghiệp trong ngành, trọng số lấy bằng tỷ trọng của sản lượng từng doanh nghiệp trong sản lượng ngành:

$$Horizontal_{jt} = \frac{\sum_{i \in j} FS_{ijt} Y_{ijt}}{\sum_{i \in j} Y_{ijt}}$$

(6)

Do vậy, giá trị của biến này tăng theo sản lượng của doanh nghiệp đầu tư nước ngoài và tỷ trọng vốn nước ngoài trong các doanh nghiệp này.

Biến *Backward* biểu thị cho mức độ tham gia của nước ngoài trong các ngành mà ngành cung cấp đầu vào cho chúng có các doanh nghiệp mà chúng ta đang nghiên cứu, và do vậy nó sẽ phản ánh mức độ hợp tác giữa các nhà cung cấp nội địa với các khách hàng là doanh nghiệp đa quốc gia. Nó được tính như sau:

$$Backward_{jt} = \sum_{k \neq j} a_{jk} Horizontal_{kt}$$

(7)

Trong đó a_{jk} là tỷ trọng sản lượng ngành j được cung cấp cho ngành k , được rút ra từ ma trận I-O 2000 và 2005 với 2 chữ số. Tỷ trọng được tính nhưng bỏ đi các sản phẩm dùng cho tiêu dùng cuối cùng và cộng thêm vào các sản phẩm trung gian nhập khẩu. Như công thức chúng ta có, chúng ta không đưa các đầu vào được cung cấp trong nội bộ ngành bởi vì chúng ta thể hiện tác động này trong biến *Horizontal*. Do vậy, sự tham gia nhiều hơn của phía nước ngoài

trong các ngành nhận đầu vào từ ngành j và tỷ trọng sản phẩm trung gian được cung cấp cho các ngành có sự hiện diện của doanh nghiệp đa quốc gia lớn hơn thì giá trị của biến số này sẽ lớn hơn.

Trong khi các hệ số lấy ra từ bảng I - O là cố định thì chúng ta vẫn thấy được những thay đổi trong vị thế của nước ngoài và sản lượng doanh nghiệp trong thời kỳ nghiên cứu. Do vậy, các biến biểu thị các mối liên kết theo chiều ngang và chiều dọc là những biến đặc trưng ngành và biến đổi theo thời gian. Biến *Forw* (*forward*) được định nghĩa như sau:

$$Forw_{jt} = \sum_{l \text{ khi } l \neq j} \delta_{jlt} Horizontal_{lt}$$

(8)

Trong đó phân tỷ lệ δ_{jlt} của đầu vào của ngành công nghiệp j mua từ ngành l ở thời gian t . Các đầu vào mua ở bên trong ngành bị loại, vì nó đã được bao hàm trong biến *Horizontal*.

Biến *supplybackward* (*sbackward*) nắm bắt giá thiết của Markusen và Venables được xây dựng theo cách sau:

$$Sbackward_{jt} = \sum_{l \text{ khi } l \neq j} \delta_{jlt} Backward_{lt}$$

(9)

Trong đó phân tỷ lệ δ_{jlt} của đầu vào của ngành công nghiệp j mua từ ngành l ở thời gian t mà đến lượt nó lại cung cấp đầu vào cho các doanh nghiệp nước ngoài. Như đã định nghĩa *Backward* biểu thị cho mức độ tham gia của nước ngoài trong các ngành mà ngành

cung cấp đầu vào cho chúng. Chỉ định mô hình kinh tế lượng

Để xem xét mối tương quan giữa năng suất doanh nghiệp và sự hiện diện của phía nước ngoài trong nội bộ ngành đó hoặc các ngành giai đoạn sau của chuỗi sản xuất, thì mô hình ước lượng cho toàn mẫu và riêng cho các doanh nghiệp nội địa:

$$\begin{aligned} Lnva_{it}^j = & \alpha + \beta_1 LnK_{it}^j + \beta_2 LnL_{it}^j \\ & + \beta_3 Ln m_{it}^j + \beta_4 LnLc_{it}^j + \\ & \beta_5 Ln(k/l)_{it}^j + \beta_6 Fs + \beta_7 Hor_{it}^j \\ & + \beta_8 For_{it}^j + \beta_9 Sback_{it}^j + \\ & \beta_{10} Sback_{it}^j + u_{it} \end{aligned}$$

Trong đó:

va_{it}^j - đầu ra thực (giá trị gia tăng) của doanh nghiệp i , ngành j năm t ;

K_{it}^j - vốn của doanh nghiệp i , ngành j năm t , được định nghĩa là giá trị của tổng tài sản đầu năm;

L_{it}^j - lao động có chất lượng của doanh nghiệp i , ngành j năm t , xấp xỉ bằng tổng số tiền lương, thường trên công nhân;

m_{it}^j - đầu vào trung gian của doanh nghiệp i , ngành j năm t , được định nghĩa là giá trị của các đầu vào trung gian;

Lc_{it}^j - Chất lượng lao động được lấy sắp xỉ bằng thu nhập của doanh nghiệp i , ngành j năm t ;

$(k/l)_{it}^j$ - Đầu tư cho công nghệ- biểu hiện mức vốn trên lao động của doanh nghiệp i , ngành j năm t ;

Fs_{it}^j - Phần chia vốn nước ngoài trong doanh nghiệp i , ngành j năm t .

Việc sử dụng bình phương tối thiểu thông thường có

thể không phù hợp khi ước lượng năng suất bởi vì phương pháp này coi lao động và các biến đầu vào khác là ngoại sinh. Người ta cho rằng đầu vào cần được coi là biến nội sinh bởi các doanh nghiệp sẽ lựa chọn chúng căn cứ vào năng suất của mình, chỉ có các nhà sản xuất thấy được điều này còn các nhà kinh tế lượng không thấy được. Việc không tính đến tính nội sinh của lựa chọn sản lượng có thể làm chệch đi các hệ số ước lượng được, do vậy, chúng tôi sử dụng thủ tục ước lượng bán tham số do Olley và Pakes đề xuất. Hàm sản xuất có tính tới hiệu chỉnh Levinsohn- Petrin được ước lượng sẽ cho thước đo năng suất nhân tố tổng hợp, nó là hiệu số giữa mức sản lượng thực tế và mức sản lượng dự đoán.

4. Kết quả thực nghiệm

4.1. Mô tả số liệu

Số liệu được sử dụng ở đây là số liệu điều tra doanh nghiệp được tách riêng cho tỉnh Phú Yên từ điều tra chi phí của Tổng cục Thống kê trong các năm từ 2000 đến năm 2013. Dữ liệu của chúng tôi lấy từ điều tra, có tất cả chỉ tiêu cần thiết cho mô hình. Trong bộ số liệu, chúng tôi bỏ đi những quan sát do lỗi sai số thống kê như một số các biến như số lao động, tuổi doanh nghiệp mang dấu âm hoặc câu trả lời không hoàn chỉnh. Để tính ảnh hưởng của FDI đến

Bảng 1. Mô tả số liệu toàn bộ mẫu cho toàn các doanh nghiệp ở Tỉnh Phú Yên

	2000	Mean	Std.	Obs	Mean	Std.	2013	Mean	Std.
Va	293	454.7021	1978.14	555	301.801	2544.18	1,283	353.723	3945.76
M	293	4156.568	13441	555	4353.35	29370	1,283	4439.14	26160.3
K	387	3911.157	15344.5	557	3210.04	13182.3	1,455	3393.61	21059.4
K/l	388	105.1303	164.227	564	166.472	254.888	1,476	1062.68	9057.09
Lc	388	5.130229	2.89876	564	9.88667	8.05205	1,476	48.1179	217.245
Fs	388	0.0000015	0.00003	564	0.000011	0.00015	1,476	0.000016	0.00033
Hor	388	0.002286	0.01028	564	0.00185	0.00559	1,476	0.00075	0.00132
Back	388	0.025584	0.01567	564	0.00798	0.00861	1,476	0.02003	0.03417
Sback	388	0.019398	0.01397	564	0.00412	0.00399	1,476	0.01214	0.00863
For	388	0.002616	0.00122	564	0.01032	0.00926	1,476	0.07632	0.10505

Nguồn: GSO & Tính toán của tác giả

tăng trưởng của các doanh nghiệp trong nước, chúng tôi tính mức độ tham gia của nước ngoài trong ngành (*phân chia của vốn của doanh nghiệp nước ngoài trên tổng vốn của ngành*). Bảng I- O năm 2007 và hệ

thống phân ngành VSIC để cấu trúc các mối liên hệ dọc và ngang ảnh hưởng của đầu tư trực tiếp nước ngoài thông qua các biến *Back, Forw, Hor, FS, Sback*.

Các bảng mô tả thống kê bên dưới cho thấy được số doanh nghiệp được điều tra ở Tỉnh Phú Yên với trung bình, độ lệch chuẩn, giá trị nhỏ nhất và giá trị lớn nhất của các biến.

Trong đó, chỉ tiêu cần quan tâm nhất là độ lệch chuẩn của các biến, chỉ tiêu này thể hiện mức độ phân tán của bộ số liệu được sử dụng.

Bảng 1 cho thống kê mô tả của một vài biến sử dụng trong mô hình. Các biến được cho thống kê tóm tắt là giá trị gia tăng (VA), vốn (K) đầu vào trung gian (M) tất cả đã được điều chỉnh giảm phát. Biến LC đại diện cho chất lượng lao động, biến (K/L) đại diện cho đầu tư vào công nghệ. Cột 2, cột 5 và cột 8 ghi năm mà thống kê các biến được tính. Cột

Mean ghi trung bình của biến trong năm. Cột Std ghi sai số tiêu chuẩn.

4.2. Thảo luận kết quả

Trên cơ sở kết quả ước lượng được chúng tôi có các đánh nhận xét sau:

Cả 2 mô hình ước lượng được tác động của FDI đến các doanh nghiệp cho toàn mẫu và cho riêng các doanh nghiệp nội địa, dấu của các hệ số ước lượng được có cùng dấu và độ lớn xấp xỉ. Lý do căn bản là do số doanh nghiệp FDI ở Phú Yên chiếm tỷ trọng không cao trong tổng các doanh nghiệp của tỉnh.

Các biến đặc trưng cho doanh nghiệp mà có khả năng tác động đến tăng trưởng đầu ra của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh là hệ số của biến LnLc và hệ số của biến Ln(K/L). Hệ số của biến LnL, LnLc dương và có ý nghĩa thống kê cao chứng tỏ chất lượng lao động có tác động tích cực đến tăng trưởng đầu ra của các doanh nghiệp. Mặt khác, giá trị của

Bảng 2. Kết quả ước lượng tác động của FDI

	Toàn mẫu	Doanh nghiệp nội địa
Lnva	Coef. 0.8066*** (0.1853)	Coef. 0.8043*** (0.2665)
LnI	0.5165*** (0.0119)	0.516*** (0.0105)
LnLc	0.0352 (0.1848)	0.0336 (0.2637)
Lnk/l	-44.6257 (149.5866)	
Fs	-0.8833*** (0.2538)	-0.8686*** (0.2009)
For	2.7127** (1.2248)	2.7041*** (0.9406)
Hor	-1.3807*** (0.4974)	-1.3753** (0.5635)
Back	-2.5721*** (0.9901)	-2.5558*** (0.8878)
Sback	0.1899 (0.1870)	0.1913 (0.2682)
Lnk	8907.0000	8841.0000
Obs groups	2571.0000	2571.0000

Nguồn: GSO & ước lượng của tác giả

các hệ số này là khá cao, đặc biệt là hệ số của LnL lớn hơn 0,8, cho thấy tăng trưởng của các doanh nghiệp trên địa bàn Phú Yên có sự đóng góp không nhỏ của lực lượng lao động. Hệ số của biến $Ln(K/L)$ dương nhưng không có ý nghĩa thống kê chứng tỏ đầu tư vào khoa học của Phú Yên chưa có ý nghĩa đáng kể trong việc tác động đến tăng trưởng. Hệ số của Hor là dương và có ý nghĩa thống kê cao. Theo David J. Teece (1977) giải thích, hệ số Hor dương là do có thể có sự di chuyển của công nhân được đào tạo từ các công ty nước ngoài (Andrea Fosfuri và các cộng sự, 2001, và Gorg và Eric Strobl, 2005); các doanh nghiệp Phú Yên có thể học hỏi công nghệ theo cách bắt chước. Tuy nhiên, trên thực tế hơn 80% doanh nghiệp FDI tại Phú Yên dưới hình thức 100% vốn đầu tư nước ngoài, hình thức liên doanh không đáng kể, do vậy việc di chuyển công nhân, cán bộ quản lý từ doanh nghiệp FDI sang doanh nghiệp trong tỉnh hầu như không có. Mặt khác, khi các doanh nghiệp FDI được thành lập, các doanh nghiệp này lại thu hút nguồn nhân lực có chất lượng từ doanh nghiệp trong Tỉnh sang làm việc, ở góc độ này có thể làm giảm hệ số của Hor . Tuy nhiên có thể là tác động học hỏi thông qua bắt chước hoặc do sự gia nhập của nước ngoài cũng là nhân tố cũng kích động cạnh tranh trong thị trường ở Phú Yên. Cạnh tranh càng

cao sẽ thúc đẩy các doanh nghiệp ở Phú Yên phải sử dụng các công nghệ và các nguồn lực hiện có hiệu quả hơn hoặc theo các công nghệ và những thói quen tổ chức mới (Brian J. Aitken và Ann E. Harrison, 1999, và Amy Jocelyn Glass và Kamal Saggi, 2002). Đây có thể là nguyên nhân chính cho tác động tràn tích cực của FDI sang các doanh nghiệp nội địa của Tỉnh trong cùng ngành. Hệ số For là âm và có ý nghĩa thống kê cao. Điều này có thể giải thích như sau: For biểu thị lan tỏa xuôi đi từ công ty nước ngoài sang bên mua tại địa phương phía hạ nguồn của nó. Nếu sự sẵn có các đầu vào tốt hơn do đầu tư nước ngoài làm tăng năng suất các công ty sử dụng các đầu vào này thì tác động này là dương. Tuy nhiên dấu của hệ số của biến này âm và có ý nghĩa thống kê cao. Điều này có thể giải thích là có thể do các đầu vào được sản xuất tại Phú Yên của các công ty nước ngoài có thể đắt hơn và ít phù hợp hơn đối với những đòi hỏi của các doanh nghiệp nội địa tại Phú Yên. Hệ số $Back$ là âm và có ý nghĩa thống kê cao. Điều này có thể giải thích như sau: Lan tỏa ngược đi từ các công ty nước ngoài sang các nhà cung cấp địa phương phía thượng nguồn nếu các công ty nước ngoài trợ giúp các nhà cung cấp tại địa phương của mình trong việc cung cấp đầu vào đủ chất lượng để thực hiện đầy

đủ những lợi ích của đầu tư. Nếu công ty nước ngoài quyết định mua các đầu vào tại địa phương, nó có thể chuyển giao công nghệ cho nhiều hơn một nhà cung cấp trong nước và khuyến khích truyền bá công nghệ phía thượng nguồn để phá vỡ vấn đề đình trệ thì hệ số $Back$ sẽ dương. Theo Andres Rodriguez- Claire (1996), tác động liên kết ngược nhiều khả năng thuận lợi khi hàng hóa sản xuất của công ty nước ngoài sử dụng nhiều các hàng hóa trung gian và khi nước nhà và nước tiếp nhận tương tự nhau về các loại hàng hóa trung gian được sản xuất. Trong những điều kiện ngược lại, tác động liên kết ngược có thể thậm chí có hại. Đó là lý do khiến $Back$ có dấu âm. Điều này xuất hiện trong khảo sát đối với Phú Yên. Cuối cùng, hệ số $Sback$ là âm và có ý nghĩa thống kê cao. Điều này có thể giải thích như sau: Kênh lan tỏa này là lan tỏa ngược cung, đi từ công ty nước ngoài qua các nhà cung cấp địa phương của nó đến các khách hàng địa phương của các nhà cung cấp này. Makursen và Venables gợi ý một sự đánh đổi giữa cạnh tranh thị trường sản phẩm tăng lên, mà họ cho là có một tác động ngược lên năng suất, và những tác động liên kết liên ngành mà được cho là dương. Khi những tác động liên kết dọc đủ mạnh, các nhà đầu tư nước ngoài có thể kích cầu đối với các sản phẩm trung gian sản xuất

tại địa phương. Sự kích cầu này khuyến khích các nhà cung cấp địa phương đầu tư và sản xuất các đầu vào theo các tiêu chuẩn chất lượng cao hơn. Việc này không chỉ có một tác động dương lên năng suất của các nhà sản xuất hàng hóa trung gian địa phương mà còn có thể kích thích năng suất của các khách hàng địa phương của họ. Tuy nhiên điều này không xảy ra đối với Phú Yên, nghĩa là hiệu ứng cạnh tranh mạnh hơn hiệu ứng tạo cầu ở Phú Yên.

6. Kết luận

Nhiều quốc gia bao gồm cả các nền kinh tế đang phát triển và chuyển đổi cạnh tranh với nhau để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài thông qua các gói chính sách khuyến khích hấp dẫn và đưa ra luận điểm cải thiện năng suất thông qua việc các doanh nghiệp nội địa thụ hưởng những ảnh hưởng ngoại ứng tích cực về tri thức mà các doanh nghiệp nước ngoài mang lại để

ủng hộ cho các chính sách này. Mặc dù câu hỏi này rất quan trọng đối với các lựa chọn chính sách công nhưng chúng ta không đưa ra được những bằng chứng xác đáng để bảo vệ cho quan điểm này.

Nghiên cứu này tập trung vào vấn đề quan trọng trong nghiên cứu về tác động tràn của FDI thông qua mối liên kết ngang, xuôi, ngược và ngược cung.

Kết quả ước lượng được có thể tóm tắt như sau: Chúng tôi đã tìm thấy bằng chứng thực nghiệm rằng hầu như không có tác động tràn của sự hiện diện của FDI đối với các doanh nghiệp của Phú Yên. Các ảnh hưởng dương tràn của FDI bị triệt tiêu bởi các ảnh hưởng lan tỏa âm. Điều này đặt ra vấn đề quan trọng đối với các nhà lập chính sách ở Phú Yên là:

(i) Cần phải có chiến lược thu hút FDI một cách có hiệu quả theo nghĩa là thu hút FDI sao cho có thể phát huy thế mạnh của Tỉnh để

các doanh nghiệp trong Tỉnh có thể thụ hưởng được ngoại ứng tích cực của FDI.

(ii) Cần có chính sách sao cho các doanh nghiệp của Phú Yên có thể tiếp cận được nguồn vốn để tăng cường đổi mới công nghệ để có thể đứng được trong cạnh tranh và có thể thu hút được ảnh hưởng tràn.

(iii) Trong chính sách phát triển hệ thống doanh nghiệp, cần tập trung phát triển doanh nghiệp phụ trợ cung cấp đầu vào cho các doanh nghiệp FDI và các doanh nghiệp có thể sử dụng đầu vào trung gian từ các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

(iv) Có chính sách hỗ trợ và tạo các diễn đàn kết nối các doanh nghiệp thuộc khu vực FDI với các doanh nghiệp trong Tỉnh để tác động lan tỏa từ khu vực FDI sang các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trở nên tích cực hơn, hiệu quả hơn. ■

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn K.M. và Nguyễn V.H. (2009) Đầu tư trực tiếp quốc gia ngoài và tăng trưởng năng suất ở một số ngành của công nghiệp chế tác Việt Nam 2000-2005. Tiếp cận bán tham số. Trong kỷ yếu hội thảo "Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến tăng trưởng năng suất và hiệu quả của Việt Nam theo tình hình thời kỳ 2000-2013" tại ĐHTL tháng 3/2016
2. Phạm K.L., Nguyễn K.M. (2014) Sử dụng cách tiếp cận biên ngẫu nhiên để đánh giá tác động của FDI đến hiệu quả ngành giấy Việt Nam. Tạp chí Kinh tế & Phát triển, ĐHKQTĐ, ISSN: 1859-0012, Số 200, 71- 78. 2/2014; 4-10
3. Aitken, Brian J., Harrison, Ann E. and Lipsey, Robert E. (1996) Wages and Foreign Ownership: A Comparative Study of Mexico, Venezuela and the United States, *Journal of International Economics* 40, pp. 345-71.
4. Chen, H. (2009), "The Analysis of Simultaneous Multi-Equations Model on the Relationship between Trade and Economic Growth in China, *International Journal of Business and Management*, 4(1).
5. Haskel, J.F., Pereira, S.C. & Slaughter. (2002) Does Inward Foreign Direct Investment Boost the Productivity of Domestic Firms? *National Bureau of Economic Research Working Paper Series, NO 8724, NBER Working Paper*.
6. Javorcik, B.S. (2004) Does Foreign Direct Investment increase the Productivity of Domestic Firms? In *Search of Spillovers through Backward Linkages, American Economic Review*
7. Konings, Jozef. (2001) The Effects of Foreign Direct Investment on Domestic Firms - Evidence from Firm-Level Panel Data in Emerging Economies, *Economics of Transition*, 2001, 9 (3), pp. 619-33.

8. Le, H. Q., & Pomfret, R. (2011) *Technology spillovers from foreign direct investment in Vietnam: horizontal or vertical spillovers*, *Journal of the Asia Pacific Economy*, 16(2), 183-201.
9. Merlevede, B. & Schoors, K. (2007). *FDI and Consequence: Towards mpre Complete capture of spillover Effects*. August, The William Davidson Institute.
10. Nguyen, D.C., Simpson, G., Saal, d., Nguyen, A.N. Pham, N.Q. (2008a). *FDI Horizontal and Vertical Effects on Local Firm Technical Efficiency*. *The DEPOCEN Working Paper*, No. 2008/17, Available online at <http://www.Depocenwp.org>
11. Nguyen, N. A., Nguyen, T., Le, D.T., Pham, Q, N., Nguyen, D.C. & Nguyen, D.N. (2008b). *Foreign Direct Investment in Vietnam: Is There Any Evidence of Technological Spillover Effects*. *Development and Policies Research Center and Center for Analysis and Forecasting*, 7273, Working Paper.
12. Olley, Steven G. and Pakes, Ariel. "The Dynamics of Productivity in the Telecommunications Equipment Industry." *Econometric*, 1996, 64(6), pp. 1263-97.
13. Shan, J. (2006). *A Macroeconomic Model of Income Disparity in China*. *International Economic Journal*, 16 (2):47-63.
14. Sun, H. (1998). *Macroeconomic Impact of Direct Foreign Investment in China: 1979-96*. *The World Economy*, 21 (5): 675-94.
15. Tran, T.T. (2011). *Productivity Spillovers from Foreign Direct Investment. What if Productivity is No Longer a Black Box?* *The South East Asian Journal of Management*

Thông tin tác giả

Nguyễn Khắc Minh, Giáo sư- Tiến sỹ
Đại học Thủy lợi
Email: khacminh@gmail.com

Trần Văn Trí, Tiến sỹ
Phân viện Phú Yên, Học viện Ngân hàng
Email: tranvtri2006@yahoo.com

Summary

The impact of FDI on the output growth of local enterprises in Phu Yen Province

This study aims to assess the impact of FDI on the output growth of local enterprises in Phu Yen Province. We applied the semi-parametric model of Olley-Pakes, which later modified by Levinsohn-Petrin (2003) who combined the factors affecting FDI to assess the impact of FDI on business growth in Phu Yen province. Based on the analysis of spill-over effects (horizontally, vertically, in reverse and by reverse supply), the results show that the impact of FDI on local firms in Phu Yen is not remarkable. The main reason might be that the competitiveness destroys the positive effects of FDI.

Keywords: Impact of FDI, FDI spill-over effects, the growth of Phu Yen firms.

Minh Khắc Nguyễn, Prof. PhD.
Water Resources University

Tri Van Tran, PhD.
Banking Academy of Vietnam, Phu Yen Branch